

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-08-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Sơn

2. Bà Phạm Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1985; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xã T, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Anh và chị Phạm Thị N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã T, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương ngày 27/7/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị N cư xử không đúng mực với anh và gia đình anh. Vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung nên anh không đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh xác định anh và chị N không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng chị N không đến Tòa án làm việc. Chị N có lời khai trình bày chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, chị xác định về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn đúng như anh H đã khai. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, anh H làm đơn xin ly hôn chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị xin vắng mặt tại Tòa án vì chị bận công việc.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của gia đình chị N: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không hòa hợp với nhau trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian ngắn đã ly thân từ năm 2020. Nay anh H xin ly hôn chị N, quan điểm của địa phương và gia đình đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Hà Văn H ly hôn chị Phạm Thị N. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn không đề nghị hòa giải và cả hai đều xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H, chị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Ninh Giang là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H, ý kiến của chị N, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, anh H chị N sống hạnh phúc khoảng 03 tháng thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống. Thực tế vợ chồng đã ly thân khoảng 02 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H không còn tình cảm và xin ly hôn chị N, chị N xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H, chị N ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị N không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh H, chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Hà Văn H ly hôn chị Phạm Thị N.

2. Về án phí: Anh Hà Văn H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000422 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh H đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng